

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2023/DS-ST

Ngày: 26/4/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi
và vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Nguyệt Hồng**.

Các Hội thẩm nhân dân

1. Bà **Võ Thị Lệ**.

2. Bà **Trương Thị Út Mỹ**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thảo** – thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trịnh Thanh Dũ** – kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 195/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lê Thị N**, sinh năm: xxxx; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã B, huyện G, tỉnh T.

2. Bị đơn: **Trương Minh Q**, sinh năm: xxxx; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã B, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày: Qua quen biết chị có cho ông Q tham gia góp hụi do chị làm đầu thảo cụ thể như sau:

Hụi 5.000.000đồng/tháng mở ngày 05/4/2020 (âm lịch), đây hụi 23 phần ông Q tham gia 02 phần và đã hót 02 phần ở kì 4 vào ngày 10/6/2020 được số tiền 146.600.000 đồng (hụi bỏ: 1.800.000 đồng, trừ tiền thảo hụi 5.000.000 đồng). Sau khi

hốt hui ông Q đóng hui chết được 03 phần hui chết là 30.000.000 đồng còn nợ lại số tiền hui chết của dây hui này là 16 phần thành tiền là 5.000.000 đồng x 02 x 16 phần = 160.000.000 đồng.

Hui 5.000.000đồng/tháng mở ngày 15/10/2020 (âm lịch), hui mãng vào ngày 15/8/2022 (âm lịch) (do ngưng 02 tháng dịch) hui 23 phần ông Q tham gia 01 phần và đã hốt ở kì 6 được số tiền 83.700.000 đồng (hui bỏ: 1.400.000 đồng, trừ tiền thảo hui 2.500.000 đồng). Sau khi hốt hui ông Q không đóng hui chết còn nợ lại số tiền hui chết là 17 phần là 85.000.000 đồng.

Tháng 06/2021 ông Q có hỏi mượn chị số tiền 30.000.000 đồng, hẹn sau 01 tháng sẽ trả lại số tiền vay và tiền hui chết nhưng sau đó ông Q không thực hiện.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Q có nghĩa vụ trả cho chị số tiền hui và tiền vay tổng cộng là 275.000.000 đồng. yêu cầu trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ chứng minh: Giấy hợp đồng hui và đoạn ghi âm

* Bị đơn anh Trương Minh Q vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên không thể hiện ý kiến của mình.

* Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt không thể hiện ý kiến của mình.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng*: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Áp dụng điều 463,471 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[I] Về tố tụng:

Quan hệ mà các bên đang tranh chấp là “*tranh chấp hợp đồng góp hui và vay tài sản*” được qui định tại điều 471, 463 Bộ luật Dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trương Minh Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hai lần thông báo về phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh Trương Minh Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[II] Về nội dung:

1. Xét yêu cầu của chị Lê Thị N yêu cầu ông Trương Minh Q có nghĩa vụ trả số tiền hui và tiền vay còn nợ tổng cộng 275.000.000 đồng đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi ông Q tham gia góp hui, hốt hui của chị N thì có viết và ký tên vào giấy hợp đồng ngày 20/3/2021 (âm lịch) và có thừa nhận nợ trong đoạn ghi âm mà nguyên đơn cung cấp. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Q không đến Tòa để trình bày ý kiến phản đối của mình đối với tài liệu, chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của chị N, điều đó cho thấy ông Q mặc nhiên thừa nhận và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị N theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Từ đó đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N theo quy định tại Điều 463, 471 của Bộ luật dân sự.

2. Chị N không yêu cầu tính lãi chậm trả nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Xét yêu cầu của chị N về thời gian trả số tiền 275.000.000 đồng.

Chị N yêu cầu ông Q trả số tiền 275.000.000 đồng làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện các dây hui đã mẫn, hết thời hạn thỏa thuận trả tiền nhưng đến nay ông Q không thực hiện nghĩa vụ của mình đã vi phạm thỏa thuận làm thiệt thòi quyền lợi của chị N nên yêu cầu của chị N về thời gian trả là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

4. Về án phí: Yêu cầu của chị N được chấp nhận nên chị N không phải chịu án phí, ông Q phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

5. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 463, Điều 471 Bộ luật Dân sự;
- Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 16, 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biên, phường;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Lê Thị N.

Buộc ông Trương Minh Q có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị N số tiền hui, tiền vay còn nợ tổng cộng là 275.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Q chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí:

- Ông Trương Minh Q phải nộp 13.750.000 đồng (Mười ba triệu bảy trăm năm chục ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

- Hoàn lại cho chị Lê Thị N số tiền 2.125.000 đồng (Hai triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0028088 ngày 05 tháng 10 năm 2022 và số tiền 4.750.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0028250 ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện GCD;
- Chi cục THA huyện GCD;
- Các đương sự;
- Lưu HS- AV.

LÊ THỊ NGUYỆT HỒNG

